

NGHỊ QUYẾT
Về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 4268/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

1. Về tỷ lệ phần trăm (%) xác định số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được xác định theo từng khu vực cụ thể như sau:

a) Đối với thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam: Mức thu tính bằng 50% mức giá đất trồng lúa nước các thửa đất trồng lúa nước quy định tại bảng giá đất hàng năm;

b) Đối với thị xã Hoàng Mai, thị xã Thái Hòa, các huyện đồng bằng và miền núi thấp: Mức thu tính bằng 60% mức giá đất trồng lúa nước các thửa đất trồng lúa nước quy định tại bảng giá đất hàng năm;

c) Đối với các huyện miền núi cao: Mức thu tính bằng 70% mức giá đất trồng lúa nước các thửa đất trồng lúa nước quy định tại bảng giá đất hàng năm.

2. Diện tích: Là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất của thửa đất chuyên trồng lúa nước đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (*bảng mức giá đất tại bảng giá nhân (x) với hệ số k của từng năm*)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Về quản lý sử dụng kinh phí thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 và kinh phí được hỗ trợ quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; nội dung chi theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2016. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn